

CÔNG TY CP VANG THĂNG LONG**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Số: 22/VTL-TC-KT

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(V/v: Giải trình về số liệu tài chính tại
BCTC năm tài chính 2018
(từ 01/4/2018 đến 31/3/2019)

Hà Nội, ngày 12 tháng 6 năm 2019

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Căn cứ Báo cáo tài chính (BCTC) của Công ty Cổ phần Vang Thăng Long năm tài chính 2018 (từ 01/4/2018 đến 31/3/2019) đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt, Công ty xin được giải trình như sau:

A. Giải trình về sự khác biệt của một số chỉ tiêu trên BCTC năm tài chính 2018 chưa kiểm toán và BCTC năm tài chính 2018 đã được kiểm toán:

I. Báo cáo tài chính Công ty mẹ:

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	BCTC Công ty lập	BCTC kiểm toán	Chênh lệch
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	100.205.971.956	98.199.774.320	-2.006.197.636
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	263.126.769	263.126.769	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	99.942.845.187	97.936.647.551	-2.006.197.636
4. Giá vốn hàng bán	11	62.184.344.330	61.798.723.105	-385.621.225
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	37.758.500.857	36.137.924.446	-1.620.576.411
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	464.090.982	463.965.842	-125.140
7. Chi phí tài chính	22	8.283.175.197	8.131.949.297	-151.225.900
8. Chi phí bán hàng	25	4.283.897.581	4.480.574.902	196.677.321
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.823.678.622	5.630.501.301	-193.177.321
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	19.831.840.439	18.358.864.788	-1.472.975.651
11. Thu nhập khác	31	352.728.299	343.728.299	-9.000.000
12. Chi phí khác	32	325.179.759	274.963.047	-50.216.712
13. Lợi nhuận khác	40	27.548.540	68.765.252	41.216.712
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	19.859.388.979	18.427.630.040	-1.431.758.939
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.590.551.187	4.590.551.187	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60	15.268.837.792	13.837.078.853	-1.431.758.939

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: Giảm 2.006.197.636 đồng là do:

- Điều chỉnh giảm:

+ Giảm doanh thu dịch vụ cho thuê ki ốt sang tài khoản doanh thu nhận trước 3387: 1.808.239.395 đồng.

+ Điều chỉnh khoản thuế tiêu thụ đặc biệt được khấu trừ sang tài khoản 632 “Giá vốn hàng bán”: 206.958.241 đồng.

- Điều chỉnh tăng doanh thu từ bán phế liệu đang hạch toán ở Thu nhập khác (tài khoản 711): 9.000.000 đồng

2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ: Giảm 2.006.197.636 đồng là do ảnh hưởng của các chỉ tiêu trên.

3. Giá vốn hàng bán: Giảm 385.621.225 đồng do:

- Điều chỉnh giảm:

+ Điều chỉnh hạch toán chi phí thuê đất tại 181 Lạc Long Quân sang giá trị của công trình: 385.199.292 đồng.

+ Điều chỉnh khoản thuế tiêu thụ đặc biệt được khấu trừ 206.958.241 đồng sang tài khoản 632 “Giá vốn hàng bán”: 206.958.241 đồng.

- Điều chỉnh tăng:

+ Ghi nhận chi phí tiền thuê đất tại 343 Lạc Long Quân vào giá vốn: 13.693.545 đồng.

+ Hạch toán bổ sung chi phí thuế môn bài năm 2018: 4.000.000 đồng.

+ Điều chỉnh tăng giá vốn 135.095.344 đồng.

4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ: Giảm 1.620.576.411 đồng do ảnh hưởng tăng / giảm của các chỉ tiêu trên.

5. Doanh thu hoạt động tài chính: Giảm 125.140 đồng do điều chỉnh giảm chi phí lãi vay.

6. Chi phí tài chính: Giảm 151.225.900 đồng do:

- Hủy bút toán hạch toán sai của lãi vay cá nhân: 9.130.556 đồng.

- Hoàn dự phòng do giá chứng khoán của cổ phiếu Công ty CP Rượu Hapro tại thời điểm kiểm toán tăng: 142.095.344 đồng.

7. Chi phí bán hàng: Tăng 196.677.321 đồng do điều chỉnh chi phí tiền lương từ chi phí quản lý doanh nghiệp sang chi phí bán hàng.

8. Chi phí quản lý doanh nghiệp: Giảm 193.177.321 đồng do:

- Điều chỉnh tăng:

+ Hạch toán bổ sung thuế môn bài 2018: 3.000.000 đồng.

+ Hạch toán giảm khấu hao tài sản cố định: 1.000.000 đồng.

- Điều chỉnh giảm:

+ Giảm khấu hao tài sản cố định: 500.000 đồng.

+ Điều chỉnh chi phí tiền lương sang chi phí bán hàng: 196.677.321 đồng.

9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh: Giảm 1.472.975.651 đồng do ảnh hưởng của các chỉ tiêu trên.

10. **Thu nhập khác:** Giảm 9.000.000 đồng do điều chỉnh doanh thu bán phở liệu sang chỉ tiêu Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

11. **Chi phí khác:** Giảm 50.216.712 đồng do:

- Điều chỉnh giảm:

+ Điều chỉnh bút toán hạch toán sai nộp tiền thuế TTĐB đã nộp tháng 8/2018: 50.238.716 đồng.

- Điều chỉnh tăng:

+ Điều chỉnh tăng chi phí khác: 3 đồng.

+ Điều chỉnh xử lý số lẻ công nợ sang TK 811: 22.001 đồng.

12. **Lợi nhuận khác:** Tăng 41.216.712 đồng do ảnh hưởng của chỉ tiêu “Thu nhập khác” và “Chi phí khác”.

13. **Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế:** Giảm 1.431.758.939 đồng do ảnh hưởng của các chỉ tiêu trên.

14. **Lợi nhuận sau thuế TNDN:** Giảm 1.431.758.939 đồng do ảnh hưởng của chỉ tiêu “Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế” và “Chi phí thuế TNDN hiện hành”.

Các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán Công ty mẹ cũng bị ảnh hưởng chủ yếu bởi các điều chỉnh trên.

II. Báo cáo tài chính hợp nhất:

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	BCTC Công ty lập	BCTC kiểm toán	Chênh lệch
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	101.655.932.044	98.548.485.444	-3.107.446.600
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	952.960.135	933.479.605	-19.480.530
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	100.702.971.909	97.615.005.839	-3.087.966.070
4. Giá vốn hàng bán	11	63.266.823.394	61.489.097.371	-1.777.726.023
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	37.436.148.515	36.125.908.468	-1.310.240.047
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	356.755.100	356.629.960	-125.140
7. Chi phí tài chính	22	8.176.257.830	8.132.669.318	-43.588.512
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	0	25.253.973	25.253.973
9. Chi phí bán hàng	25	3.540.667.612	3.804.405.532	263.737.920
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.896.358.561	6.298.592.990	402.234.429
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	20.179.619.612	18.272.124.561	-1.932.749.024
12. Thu nhập khác	31	353.010.722	344.010.722	-9.000.000
13. Chi phí khác	32	333.355.065	283.300.643	-50.054.422
14. Lợi nhuận khác	40	19.655.657	60.710.079	41.054.422

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	BCTC Công ty lập	BCTC kiểm toán	Chênh lệch
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	20.199.275.269	18.332.834.640	-1.891.694.602
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.656.953.955	4.590.551.187	-66.402.768
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	15.542.321.314	13.742.283.453	-1.825.291.834

BCTC hợp nhất của Công ty được tổng hợp từ BCTC công ty mẹ và 02 Công ty con (Công ty TNHH một thành viên Rượu vang Thăng Long và Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Địa ốc Thăng Long). Vì vậy, sự thay đổi của các chỉ tiêu tương ứng của BCTC Công ty mẹ và BCTC Công ty con sẽ ảnh hưởng đến BCTC hợp nhất. Cụ thể:

1. **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:** Giảm 3.107.446.600 đồng do:
 - Ảnh hưởng của BCTC Công ty mẹ, điều chỉnh giảm doanh thu: 2.006.197.636 đồng.
 - Loại trừ doanh thu trùng Công ty mẹ với Công ty con: 1.101.248.964 đồng.
2. **Các khoản giảm trừ doanh thu:** Giảm 19.480.530 đồng là điều chỉnh giảm hàng bán trả lại hạch toán tăng TK 632 “Giá vốn hàng bán” giữa Công ty mẹ và Công ty con.
3. **Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ:** Giảm 3.087.966.070 đồng do ảnh hưởng của 02 chỉ tiêu trên.
4. **Giá vốn hàng bán:** Giảm 1.777.726.023 đồng do:
 - Điều chỉnh giảm:
 - + Ảnh hưởng của BCTC Công ty mẹ, điều chỉnh giảm giá vốn hàng bán: 385.621.225 đồng.
 - + Giảm trừ giá vốn trùng của Công ty mẹ và Công ty con: 1.411.585.328 đồng.
 - Điều chỉnh tăng:
 - + Điều chỉnh tăng giá vốn hàng bán từ TK 531 “Hàng bán trả lại” giữa Công ty mẹ và Công ty Con: 19.480.530 đồng.
5. **Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ:** Giảm 1.310.240.047 đồng do ảnh hưởng của các chỉ tiêu trên.
6. **Doanh thu hoạt động tài chính:** Giảm 125.140 đồng do ảnh hưởng của BCTC Công ty mẹ.
7. **Chi phí hoạt động tài chính:** Giảm 43.588.512 đồng do:
 - Ảnh hưởng của BCTC Công ty mẹ, giảm 151.225.900 đồng
 - Điều chỉnh tăng chi phí tài chính do hoàn trả lợi nhuận của Công ty con chuyển về Công ty mẹ: 107.637.388 đồng.
8. **Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết:** Tăng 25.253.973 đồng do hạch toán bổ sung lãi của hoạt động liên kết.
9. **Chi phí bán hàng:** Tăng 263.737.920 đồng là do:

- Ảnh hưởng của BCTC Công ty mẹ, điều chỉnh tăng chi phí bán hàng: 196.677.321 đồng.
- Công ty con điều chỉnh giảm chi phí quản lý doanh nghiệp (phí dịch vụ với EB và phí chuyển tiền của chi phí phục vụ bán hàng) sang chi phí bán hàng: 67.060.599 đồng.

10. Chi phí quản lý doanh nghiệp: Tăng 402.234.429 đồng là do:

- Điều chỉnh tăng:
 - + Công ty con trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi: 348.634.639 đồng.
 - + Công ty con điều chỉnh bổ sung chi phí thuế môn bài năm 2018: 2.000.000 đồng.
 - + Điều chỉnh tăng chi phí Công ty mẹ cho Công ty con thuê văn phòng và lao động: 312.000.000 đồng.

- Điều chỉnh giảm:

- + Ảnh hưởng của BCTC Công ty mẹ, điều chỉnh giảm chi phí: 193.177.321 đồng.
- + Công ty con điều chỉnh giảm chi phí quản lý doanh nghiệp (phí dịch vụ với EB và phí chuyển tiền của chi phí phục vụ bán hàng) sang chi phí bán hàng: 67.060.599 đồng.
- + Công ty con điều chỉnh xử lý công nợ lẻ sang TK 811: 162.290 đồng.

11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh: Giảm 1.932.749.024 đồng do ảnh hưởng của các chỉ tiêu trên.

12. Thu nhập khác: Giảm 9.000.000 đồng do ảnh hưởng của BCTC Công ty mẹ.

13. Chi phí khác: Giảm 50.054.422 đồng do:

- Ảnh hưởng của BCTC Công ty mẹ, giảm 50.216.712 đồng.
- Công ty con điều chỉnh xử lý công nợ lẻ sang TK 811: 162.290 đồng

14. Lợi nhuận khác: Tăng 41.054.422 đồng do ảnh hưởng của các chỉ tiêu “Thu nhập khác” và “Chi phí khác”.

15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế: Giảm 1.891.694.602 đồng do ảnh hưởng của các chỉ tiêu trên.

16. Chi phí thuế TNDN hiện hành: Giảm 66.402.768 đồng là do điều chỉnh giảm thuế TNDN của Công ty con.

17. Lợi nhuận sau thuế TNDN: Giảm 1.825.291.834 đồng do ảnh hưởng của chỉ tiêu “Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế” và “Chi phí thuế TNDN hiện hành”.

Các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất cũng bị ảnh hưởng chủ yếu bởi các điều chỉnh trên.

B. Giải trình lợi nhuận sau thuế TNDN trên Báo cáo tài chính (BCTC) năm tài chính 2018 thay đổi vượt quá 10% so với năm tài chính 2017:

Thực hiện Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty xin được giải trình về lợi nhuận sau thuế TNDN năm tài chính 2018 thay đổi vượt quá 10% so với năm tài chính 2017 trên Báo cáo tài chính (BCTC) năm tài chính 2018 (từ 01/4/2018 đến 31/3/2019) của Công ty Cổ phần Vang Thăng Long đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2017	So sánh tỷ lệ 2018/2017
Lợi nhuận sau thuế TNDN Công ty mẹ	Tỷ đồng	13,84	3,73	371,1%
<i>Trong đó:</i>				
- Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	Tỷ đồng	-4,56	3,73	
- Lợi nhuận từ chuyển nhượng BĐS	Tỷ đồng	18,40		
Lợi nhuận sau thuế TNDN hợp nhất	Tỷ đồng	13,74	3,42	401,8%
<i>Trong đó:</i>				
- Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	Tỷ đồng	-4,66	3,42	
- Lợi nhuận từ chuyển nhượng BĐS	Tỷ đồng	18,40		

Theo số liệu trên BCTC Công ty mẹ và BCTC hợp nhất năm tài chính 2018, lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2018 tăng 371,1% so với năm 2017 trên BCTC Công ty mẹ và tăng 401,8% trên BCTC hợp nhất chủ yếu do trong năm tài chính 2018 Công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng dự án đầu tư xây dựng “Trung tâm giao dịch giới thiệu sản phẩm và cửa hàng bán sản phẩm” tại 343 Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội cho Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Tân Á với tổng giá trị chuyển nhượng dự án là 25 tỷ đồng và lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN đạt 18,4 tỷ đồng.

Như vậy, lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh và cung cấp dịch vụ năm 2018 lỗ 4,66 tỷ đồng chủ yếu là do:

+ Sản lượng tiêu thụ trong năm không đạt kế hoạch nên doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh chỉ đạt 86,5% so với kế hoạch Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 giao.

+ Trong năm, công ty đã thực hiện trích lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính vào các đơn vị khác (dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư) vào chi phí tài chính và chi phí quản lý doanh nghiệp 3,3 tỷ đồng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 và Thông tư 228/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính cũng ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018, các khoản trích lập dự phòng này được bù đắp bằng lợi nhuận sau thuế TNDN của hoạt động chuyển nhượng bất động sản.

Trên đây là toàn bộ giải trình các nội dung của BCTC năm tài chính 2018 (từ 01/4/2018 đến 31/3/2019) đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Vang Thăng Long.

Công ty Cổ phần Vang Thăng Long trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu P.TC-HCTH, P.TC-KT.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Phạm Xuân Hà